

3. Ôn lại bảng nhân 2, bảng nhân 5

- GV có thể tổ chức cho HS chơi “Đố bạn” để giúp HS ôn lại bảng nhân 2 và bảng nhân 5.
- HS chơi theo nhóm bốn.

LUYỆN TẬP

Bài 1:

- HS (nhóm đôi) **thảo luận** và **thực hiện**.
- Khi sửa bài, GV **khuyến khích** HS **giải thích** tại sao chọn số đó.
Ví dụ: Chọn 3 vì $3 \times 5 = 5 \times 3$.

Bài 2:

- HS (nhóm đôi) **thảo luận**, **xác định** yếu cầu của bài (**viết** phép nhân, **tính**).
 - HS **thực hiện** câu a và b vào bảng con (mỗi HS / câu).
 - Khi sửa bài, GV **khuyến khích** HS **giải thích** cách làm.
- Sau khi sửa bài, GV giới thiệu vai trò của số 0 trong phép nhân.

0 nhân với số nào cũng bằng 0.

Số nào nhân với 0 cũng bằng 0.

Bài 3:

- HS (nhóm đôi) **thực hiện** cá nhân, rồi **nói** kết quả cho bạn nghe.
 - Khi sửa bài, GV có thể tổ chức cho HS chơi “Truyền điện” để HS nói kết quả phép nhân.
- Lưu ý: $6 \times 2 = 12$ vì $2 \times 6 = 12$.

CÙNG CỐ

GV có thể tổ chức cho HS chơi “Ai nhanh hơn”.

GV chia lớp thành hai đội thi đua, đội nào xong trước và đúng thì thắng cuộc.

GV gắn các thẻ phép nhân lên bảng lớp để HS chọn các phép nhân có kết quả bằng nhau xếp vào một hàng (hay một cột).

Ví dụ: 2×4 9×0 1×8 0×6 4×2
...

ÔN TẬP PHÉP CHIA (1 tiết)

A. Mục tiêu

1. Kiến thức, kĩ năng:

- Ôn tập: ý nghĩa của phép chia tương ứng với thao tác chia thành các phần bằng nhau và chia theo nhóm; gọi tên các thành phần của phép chia; quan hệ giữa phép nhân và phép chia.

2. Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học, giao tiếp toán học, mô hình hoá toán học.

3. Tích hợp: Toán học và cuộc sống.

Phẩm chất: nhân ái, trung thực.

B. Thiết bị dạy học

GV: 6 khối lập phương, hình vẽ cho bài Luyện tập 3 và bài Thử thách (nếu cần).

HS: 6 khối lập phương.

C. Các hoạt động dạy học chủ yếu

KHỞ ĐỘNG

GV: đọc phép nhân trong bảng nhân 2 (hoặc bảng nhân 5).

Cả lớp: viết một phép chia tương ứng trong bảng chia 2 (hoặc bảng chia 5) vào bảng con.

BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH

1. Ôn tập phép chia

– Với mỗi bài toán, tiến hành theo trình tự sau:

- GV đọc bài toán.
- GV thao tác với ĐDDH trên bảng lớp, HS thao tác với ĐDHT trên bàn học.
- HS viết phép tính rồi thông báo, GV viết phép tính.
- HS gọi tên các thành phần của phép chia, GV viết.

– Lưu ý:

- Bài toán 1. Chia lần thứ nhất: Mỗi đĩa 1 cái bánh.

Chia lần thứ hai: Mỗi đĩa thêm 1 cái bánh.

- Bài toán 2. Mỗi lần lấy xuống 2 cái bánh.

- Bài toán 3. Sau khi hình thành phép nhân, nêu mối quan hệ giữa phép nhân và phép chia:

GV chỉ vào phép nhân ($2 \times 3 = 6$) và nói: Có 3 cái đĩa, mỗi đĩa đựng 2 cái bánh. Có tất cả 6 cái bánh.

GV: Xếp đều 6 cái bánh vào 3 đĩa, mỗi đĩa có 2 cái bánh (vừa nói vừa viết $6 : 3 = 2$).

GV: Có 6 cái bánh, xếp 2 cái vào 1 đĩa, có tất cả 3 đĩa bánh (vừa nói vừa viết $6 : 2 = 3$).

– GV chỉ vào thứ tự các thành phần của phép nhân ($2 \times 3 = 6$), HS đọc các phép tính tương ứng.

Ví dụ: Thứ tự chỉ 2; 3; 6 \longrightarrow đọc $2 \times 3 = 6$.

Thứ tự chỉ 6; 3; 2 \longrightarrow đọc $6 : 3 = 2$.

Thứ tự chỉ 6; 2; 3 \longrightarrow đọc $6 : 2 = 3$.

– GV giúp HS ghi nhớ: Từ một phép nhân ta có thể viết được hai phép chia

\rightarrow Ta có thể tìm kết quả phép chia dựa vào phép nhân

và Ta có thể tìm kết quả phép nhân dựa vào phép chia.

2. Thực hành

– GV có thể tổ chức cho HS chơi “Đố bạn”.

Một HS đọc các phép nhân trong bảng nhân 2 (hay bảng nhân 5),

cả lớp đọc các phép chia tương ứng trong bảng chia 2 (hay bảng chia 5).

– HS chơi theo nhóm đôi.

LUYỆN TẬP

Bài 1:

- HS (nhóm đôi) **tim hiểu** yêu cầu của bài, **nhận biết**:
Để tìm kết quả của phép chia, dựa vào phép nhân tương ứng.
 - Khi sửa bài, GV **khuyến khích** HS **giải thích** cách làm.
- Ví dụ: $12 : 2 = 6$ vì $2 \times 6 = 12$.

Bài 2:

- Thực hiện tương tự bài 1.
- HS (nhóm đôi) **tim hiểu** yêu cầu của bài: **Số?**.
 - Khi sửa bài, GV **khuyến khích** HS **giải thích** cách làm.
- Ví dụ: a) $20 : 2 = 10$
Vận đọc xong 20 trang sách trong 10 ngày. (Vì $2 \times 10 = 20$.)

...

Bài 3:

- HS (nhóm bốn) **tim hiểu** bài: **nhận biết** yêu cầu của bài toán (phân loại, kiểm đếm và tính toán).
- Khi sửa bài, GV có thể kết hợp treo (hoặc trình chiếu) hình lên cho HS quan sát, thao tác trực tiếp trên hình vẽ.

Thử thách

- HS (nhóm đôi) **tim hiểu** yêu cầu của bài: **Số?**.
 - Khi sửa bài, GV **khuyến khích** HS **giải thích** cách làm.
- Ví dụ: a) Cần 10 bạn, vì một cặp thú bông là 2 con thú bông

...

TÌM THỪA SỐ (1 tiết)

A. Mục tiêu

1. Kiến thức, kĩ năng:

- Tìm thừa số chưa biết bằng cách: dựa vào quan hệ nhân, chia; các bảng nhân, chia hoặc dựa vào quy tắc.
- Vận dụng vào giải toán đơn giản.

2. Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học, giao tiếp toán học, mô hình hoá toán học.

3. Tích hợp: Toán học và cuộc sống.

Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

B. Thiết bị dạy học

GV: 30 khối lập phương.

HS: 10 khối lập phương.